

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/HS-ST

Ngày 17-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SON

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hợp;

Ông Lê Xuân Trường;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Ảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 17-7-2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2024/TLST-HS ngày 14-5-2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-QĐ ngày 25-6-2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 26/TB-TA ngày 05-7-2024; đối với:

- Bị cáo:

1. Triệu Thị L; sinh ngày 25-07-1987 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi thường trú: Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 1x, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Văn B (đã chết); con bà Nông Thị Đ; có chồng là Liễu Viết V (đã chết) và có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hà Thị H; sinh ngày 29-01-1992 tại huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Nơi thường trú: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: Khu đô thị B, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hà Đình D; con bà Nguyễn Thị L; chồng: Không có; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt chính, chưa bị xử lý kỷ

luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 20-12-2023 đến ngày 30-01-2024 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh, hiện nay tại ngoại; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:*

1. Chi cục Thuế thành phố L. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thanh H, Đội trưởng đội Kiểm tra thuế số 1, Chi cục thuế thành phố L; địa chỉ: Số 1x, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền số 1091/UQ ngày 02-7-2024); vắng mặt.

2. Chi cục Thuế khu vực T - Y, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng H, Đội trưởng đội kiểm tra, Chi cục Thuế khu vực T - Y; địa chỉ: Đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh (văn bản ủy quyền ngày 10-7-2024); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Đ; địa chỉ: Thôn P, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1954; nơi cư trú: Số 19x, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Công ty L; địa chỉ: Khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Hữu T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

3. Chị Nông Thị Thu T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 1x, khu N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Tô Thị L, sinh năm 1992; nơi cư trú: Đường P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Anh Nông Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

7. Anh Phạm Kim T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

8. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 15x, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với Triệu Thị L:

Trong các năm 2019 và năm 2021, Triệu Thị L thành lập Công ty Đ và Công ty L. Triệu Thị L thuê ông Nguyễn Quang Đ làm Giám đốc Công ty Đ,

thuê ông Hoàng Hữu T làm Giám đốc Công ty L; Triệu Thị L là Phó Giám đốc và trực tiếp quản lý điều hành 02 công ty trên.

Từ ngày 12-4-2022 đến 26-4-2023, thông qua 02 Công ty nói trên, Triệu Thị L nhận làm dịch vụ mở tờ khai và làm thủ tục xuất khẩu mặt hàng nhôm thời cho các chủ hàng ở Trung Quốc. Quá trình thực hiện, Triệu Thị L không ghi chép sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, không xuất hóa đơn bán hàng dịch vụ, nhằm mục đích trốn thuế; cụ thể:

Từ ngày 12-4-2022 đến ngày 17-11-2022, thông qua Công ty L, Triệu Thị L làm thủ tục xuất khẩu 13.721.096,00 kg nhôm thời, tương ứng tổng giá trị hàng hóa là 665.725.948.418 đồng; với tiền công làm dịch vụ xuất khẩu theo thỏa thuận là 35.674.849.600 đồng; các chi phí khác là 34.914.205.787 đồng (bao gồm tiền thuế xuất khẩu 33.285.338.378 đồng, tiền lương nhân viên 413.120.000 đồng, tiền thuê nhà 104.000.000 đồng, tiền thuê xe ô tô 96.000.000 đồng và các khoản chi khác có hóa đơn là 1.015.747.409 đồng); Công ty L được hưởng lợi số tiền **760.643.813 đồng**.

Từ ngày 19-11-2022 đến ngày 26-4-2023, thông qua Công ty Đ, Triệu Thị L làm thủ tục xuất khẩu 8.284.775 kg nhôm thời, tương ứng tổng giá trị hàng hóa là 408.021.653.832 đồng; với tiền công làm dịch vụ xuất khẩu là 21.870.655.000 đồng và các chi phí là 21.454.424.220 đồng (bao gồm tiền thuế xuất khẩu là 20.400.465.242,90 đồng, tiền lương nhân viên 196.600.000 đồng, tiền thuê nhà 48.000.000 đồng, tiền thuê xe ô tô 48.000.000 đồng và các chi phí có hóa đơn khác 761.358.977 đồng); Công ty Đ được hưởng lợi số tiền **416.230.780 đồng**.

Theo Kết luận giám định số 1577/KL-GĐTP ngày 06-10-2023 của Chi cục Thuế thành phố Lạng Sơn:

Công ty L và Công ty Đ đã vi phạm khoản 2, khoản 5 Điều 17; khoản 2, khoản 3 Điều 143 Luật Quản lý thuế. Công ty L không kê khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định, không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, không xuất hóa đơn khi cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật đối với khoản doanh thu 35.674.849.600 đồng, không kê khai hoạch toán lợi nhuận số tiền 760.643.813 đồng. Dẫn đến gây thiệt hại về thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước số tiền là **152.128.763 đồng**.

Công ty Đ không kê khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định, không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, không xuất hóa đơn khi cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật đối với khoản doanh thu 21.870.655.000 đồng, không kê khai hoạch toán lợi nhuận số tiền 416.230.780 đồng. Dẫn đến gây thiệt hại về thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước số tiền là **83.246.156 đồng**.

Tổng số tiền Công ty L và Công ty Đ trốn thuế thu nhập doanh nghiệp, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước là **235.374.919 đồng**.

Về nguồn gốc số nhôm thỏi mà Triệu Thị L làm dịch vụ xuất khẩu sang Trung Quốc là do chủ hàng Trung Quốc thông qua Nông Văn T mua của Hà Thị H. Triệu Thị L lấy danh nghĩa Công ty L và Công ty Đ ký hợp đồng dịch vụ xuất khẩu, Hợp đồng ngoại thương với các Công ty Trung Quốc để có căn cứ chuyển tiền từ Trung Quốc về Việt Nam thanh toán tiền mua nhôm thỏi. Theo các Hợp đồng mua bán ngoại thương đã ký, từ ngày 31-01-2023 đến ngày 18-4-2023 phía Công ty Trung Quốc đã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Đ tổng số tiền 75.741.576.718 đồng và từ ngày 15-3-2023 đến ngày 04-5-2023 chuyển tiền vào tài khoản của Công ty L tổng số tiền là 551.669.093.825 đồng; tổng cộng là 627.410.670.543 đồng. Sau khi nhận tiền, Triệu Thị L đã chuyển trả thanh toán tiền hàng cho nhiều người theo yêu cầu của các chủ hàng Trung Quốc trong đó có tiền mua nhôm thỏi của Hà Thị H; cụ thể: Triệu Thị L trực tiếp hoặc nhờ cho Nông Thị Thu T, Tô Thị L rút tiền mặt và nộp tiền vào các tài khoản Ngân hàng của Nông Văn T với tổng số tiền là 120.020.785.919 đồng. Sau khi nhận tiền, Nông Văn T đã chuyển hết cho Hà Thị H; ngoài ra Triệu Thị L chuyển khoản 20.103.165.000 đồng từ tài khoản của Công ty Đ vào tài khoản cá nhân của Hà Thị H.

2. Đối với Hà Thị H

Từ tháng 6/2022, một số chủ hàng Trung Quốc thông qua Nông Văn T, Phạm Kim T, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T liên hệ mua nhôm thỏi với Hà Thị H để xuất khẩu sang Trung Quốc. Hà Thị H đã trực tiếp thu mua nhôm thỏi của các hộ gia đình tại thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh và một số người ở các tỉnh phía Nam. Căn cứ sao kê tài khoản ngân hàng, xác định Nông Văn T, Phạm Kim T, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T, Triệu Thị L và một số người khác được chủ hàng Trung Quốc nhờ chuyển tiền cho Hà Thị H tổng cộng **555.236.389.818 đồng** tiền hàng.

Khi cần mua nhôm thỏi, Hà Thị H gọi điện thoại hoặc đến các hộ gia đình tại thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh để trao đổi thỏa thuận giá cả và số lượng, sau đó thuê xe công nông đi gom, cân và viết phiếu cân; việc thanh toán tiền bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả tiền mặt; đối với những cá nhân bán nhôm thỏi tại các tỉnh phía Nam, Hà Thị H trao đổi về số lượng và giá cả qua điện thoại, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản gồm cả tiền hàng và tiền công vận chuyển; bên bán có trách nhiệm thuê xe vận chuyển giao hàng cho Hà Thị H tại thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Trong tổng số tiền 555.236.389.818 đồng đã nhận, Hà Thị H chuyển khoản trả tiền mua nhôm thỏi cho 31 hộ dân tại thôn Mẫn Xá và 14 cá nhân ở các tỉnh phía Nam với tổng số tiền 507.926.551.209 đồng; còn lại 47.309.838.609 đồng, Hà Thị H rút ra thanh toán tiền mặt, chi trả tiền nhân công, các chi phí khác và giữ lại tiền công được hưởng. Do không có sổ sách theo dõi nên Hà Thị H không nhớ đã trả tiền mặt cho ai và số tiền đã trả.

Trung bình giá nhôm thỏi thời điểm năm 2022-2023 là 48.000.000 đồng/tấn, thì Hà Thị H đã mua bán với số lượng 11.567 tấn nhôm thỏi; sau khi

trừ chi phí Hà Thị H được lợi 50.000 đồng/tấn; tổng số tiền Hà Thị H được hưởng lợi là 578.350.000 đồng.

Bản Kết luận giám định ngày 22-11-2023 và văn bản ngày 15-7-2024 của Chi cục Thuế khu vực T - Y, tỉnh Bắc Ninh kết luận: Hà Thị H là cá nhân kinh doanh, có hoạt động kinh doanh thương mại nhôm thép, mặt hàng thuộc đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập cá nhân (TNCN) nhưng Hà Thị H không thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế, được xác định là hành vi trốn thuế; vi phạm Điều 17, Điều 30, Điều 143 Luật Quản lý thuế. Tổng số tiền trốn thuế là **8.328.545.847 đồng**, trong đó thuế GTGT là 5.552.363.898 đồng, thuế TNCN là 2.776.181.949 đồng. Toàn bộ số tiền trốn thuế đã được Hà Thị H sử dụng vào việc kinh doanh mua bán nhôm thép và chi tiêu cá nhân. Chưa đủ căn cứ xác định phương pháp tính thuế và kỳ tính thuế đối với cá nhân kinh doanh Hà Thị H.

Quá trình điều tra:

Bị cáo Triệu Thị L và bị cáo Hà Thị H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung đã tóm tắt ở trên. Bị cáo Triệu Thị L đã nộp 263.000.000 đồng và bị cáo Hà Thị H nộp 5.000.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn để khắc phục hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Người đại diện hợp pháp của Chi cục thuế thành phố Lạng Sơn, Cục thuế tỉnh Lạng Sơn và người đại diện của Chi cục thuế khu vực T - Y, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh; yêu cầu bị cáo Triệu Thị L và bị cáo Hà Thị H phải nộp đầy đủ số tiền đã trốn thuế vào ngân sách Nhà nước.

Ông Hoàng Hữu T, ông Nguyễn Quang Đ trình bày: Ông Hoàng Hữu T được Triệu Thị L thuê và bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH L; ông Nguyễn Quang Đ được Triệu Thị L thuê và bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH Đ. Các ông không có vai trò, chức năng, nhiệm vụ gì liên quan đến hoạt động của Công ty do mình đứng tên là giám đốc; không biết gì về hành vi phạm tội của Triệu Thị L.

Chị Nông Thị Thu T và chị Tô Thị L được Triệu Thị L giao thực hiện rút tiền mặt và nộp tiền vào tài khoản của Nông Văn T nhưng không tham gia vào hoạt động mua bán, xuất khẩu hàng hóa, không biết Triệu Thị L có hành vi trốn thuế.

Đối với Nông Văn T, Phạm Kim T, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T: Là người được các chủ hàng bên Trung Quốc thuê trả tiền công theo tháng hoặc theo từng chuyến hàng. Các anh có nhiệm vụ liên hệ với Hà Thị H để mua nhôm thép, kiểm tra chất lượng, khối lượng, gọi xe vận chuyển để làm thủ tục xuất khẩu sang Trung Quốc. Nông Văn T được chủ hàng có tên là A chuyển khoản nhờ thanh toán tiền hàng cho Hà Thị H; cũng có lúc A nhờ Nông Văn T vay tiền của Nguyễn Hữu H để thanh toán cho Hà Thị H. Các anh Nông Văn T, Phạm Kim T, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu H không biết và cũng không tham gia vào việc xuất khẩu nhôm thép sang Trung Quốc.

Đối với 31 hộ dân tại thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đều khai

nhận: Có thực hiện việc thu mua vỏ lon, phế liệu về tái chế thành nhôm thời rồi bán lại cho Hà Thị H nhưng không xuất hóa đơn vì không có đăng ký kinh doanh.

Đối với 14 cá nhân ở các tỉnh phía Nam: Cơ quan điều tra đã gửi công văn cho các Ngân hàng để cung cấp số tài khoản, thông tin chủ tài khoản có giao dịch với các tài khoản ngân hàng của Hà Thị H nhưng chưa có kết quả đầy đủ.

Cáo trạng số 61/CT-VKSLS-P1 ngày 13-5-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Triệu Thị L về tội Trốn thuế quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Hà Thị H về tội Trốn thuế quy định tại Khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Triệu Thị L trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo thành lập công ty và thuê người làm giám đốc để đại diện cho Công ty trên giấy tờ, còn thực tế bị cáo là người điều hành hoạt động của Công ty. Bị cáo đã lợi dụng tư cách pháp nhân của Công ty để ký hợp đồng làm dịch vụ xuất khẩu mà không thông báo cho Giám đốc Công ty, không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu chi liên quan đến việc xuất khẩu nhôm thời và không kê khai, hạch toán khoản lợi nhuận thu được vào doanh thu của Công ty. Toàn bộ số tiền được hưởng lợi bị cáo đã rút và sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Bị cáo Hà Thị H trình bày: Bị cáo được thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng miêu tả. Bị cáo không đăng ký kinh doanh, không có địa chỉ kinh doanh cố định; do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên bị cáo không thực hiện nghĩa vụ kê khai nộp thuế. Bị cáo sinh sống tại làng nghề M, trước đây bị cáo không có công việc ổn định. Năm 2022 khi anh Nông Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tiến, Phạm Kim T đặt mua nhôm thời, bị cáo đã nhận lời và tiến hành thu gom rồi bán lại cho khách đặt mua để được hưởng chênh lệch; số tiền được hưởng lợi bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh được chủ hàng bên Trung Quốc tên là A thuê giúp A thỏa thuận với Hà Thị H về giá cả, kiểm tra cân và chất lượng nhôm thời rồi báo lại cho A và được trả tiền công theo từng chuyến hàng. Việc vận chuyển và thanh toán tiền hàng cho Hà Thị H như thế nào anh không biết và không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quan điểm về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo; rút đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo Hà Thị H vì bị cáo không có địa điểm kinh doanh cố định; không có căn cứ để xác định phương pháp tính thuế và kỳ tính thuế đối với bị cáo Hà Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Triệu Thị L và bị cáo Hà Thị H phạm tội Trốn thuế.

Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 35 của Bộ luật Hình sự; áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Triệu Thị L; đề nghị mức phạt từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thị H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định của pháp luật; đề nghị hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hà Thị H, mức phạt từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, sung Ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu, sung Ngân sách Nhà nước đối với số tiền mà các bị cáo đã trốn thuế. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo để bị cáo có cơ hội chăm sóc con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định:

[3] Từ ngày 12-4-2022 đến ngày 17-11-2022, thông qua Công ty L, bị cáo Triệu Thị L làm thủ tục xuất khẩu 13.721.096,00 kg nhôm thỏi, tương ứng tổng giá trị hàng hóa là 665.725.948.418 đồng; sau khi trừ các khoản chi phí, số tiền được hưởng lợi là 760.643.813 đồng. Từ ngày 19-11-2022 đến ngày 26-4-2023, thông qua Công ty Đ, bị cáo Triệu Thị L làm thủ tục xuất khẩu 8.284.775 kg nhôm thỏi, tương ứng tổng giá trị hàng hóa là 408.021.653.832 đồng, sau khi trừ chi phí số tiền được hưởng lợi là 416.230.780 đồng. Quá trình xuất khẩu mặt hàng nhôm thỏi, bị cáo Triệu Thị L không kê khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định, không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định doanh thu, chi phí đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa; không kê khai hạch toán lợi nhuận. Dẫn đến gây thiệt hại về thuế

Thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước với tổng số tiền là **235.374.919 đồng**. Bị cáo Hà Thị H là cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh thương mại. Từ tháng 6/2022 đến tháng 5/2023, bị cáo Hà Thị H đã thu mua nhôm thỏi và bán cho khách hàng bên Trung Quốc thu được tổng số tiền 555.236.389.818 đồng. Mặt hàng nhôm thỏi, thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và thuế thu TNCN nhưng bị cáo Hà Thị H không nộp hồ sơ đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế; dẫn đến gây thiệt hại về thuế GTGT và thuế TNCN cho Nhà nước với tổng số tiền là **8.328.545.847 đồng**.

[4] Do đó, hành vi của bị cáo Triệu Thị L phạm vào tội Trốn thuế theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2025; hành vi của bị cáo Hà Thị H phạm vào tội Trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2025. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ và quản lý thuế của Nhà nước, làm giảm thu ngân sách Nhà nước. Các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích kinh tế nên vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là độc lập, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo theo đúng quy định của pháp luật, tương xứng với hậu quả do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Do không có căn cứ xác định phương pháp tính thuế và kỳ tính thuế đối với bị cáo Hà Thị H, nên không có cơ sở xác định bị cáo Hà Thị H phạm tội 02 lần trở lên. Vì vậy, cả 02 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; nhằm khắc phục phần nào hậu quả mà mình đã gây ra, bị cáo Triệu Thị L đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế, bị cáo Hà Thị H tự nguyện nộp trên 50% số tiền trốn thuế. Các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, là mẹ đơn thân đang nuôi con chưa thành niên; tích cực tham gia các hoạt động từ thiện tại nơi cư trú. Vì vậy, cả 02 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Triệu Thị L, là người phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, các bị

cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo.

[10] Một trong các nhiệm vụ cải cách tư pháp là giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền đối với một số loại tội phạm trong đó có tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Do bị cáo Triệu Thị L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp.

[11] Đối với bị cáo Hà Thị H: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp nghiêm trọng, số tiền trốn thuế lớn. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đảm bảo tính răn đe, phòng chống tội phạm và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[12] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Triệu Thị L; áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hà Thị H là phù hợp.

[13] Về xử lý vật chứng: Không có.

[14] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền mà các bị cáo đã trốn thuế; cụ thể: Truy thu đối với bị cáo Triệu Thị L số tiền 235.374.919 đồng; bị cáo Triệu Thị L đã nộp 263.000.000 đồng, sau khi khấu trừ, hoàn trả bị cáo Triệu Thị L số tiền còn lại. Truy thu đối với bị cáo Hà Thị H số tiền 8.328.545.847 đồng; xác nhận bị cáo Hà Thị H đã nộp 5.000.000.000 đồng, bị cáo Hà Thị H phải nộp tiếp số tiền còn thiếu.

[15] Đối với Công ty L, Công ty Đ và người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Quang Đ và Hoàng Hữu T: Ông Nguyễn Quang Đ và Hoàng Hữu T là người được bị cáo Triệu Thị L thuê làm Giám đốc Công ty, những người này chỉ đại diện theo pháp luật cho Công ty trên danh nghĩa, không trực tiếp quản lý, điều hành Công ty; mọi hoạt động kinh doanh dịch vụ xuất khẩu nhôm thời của Công ty đều do bị cáo Triệu Thị L tự thực hiện. Bị cáo Triệu Thị L đã lợi dụng tư cách pháp nhân của Công ty để kinh doanh và

trốn thuế; không kê khai hạch toán khoản lợi nhuận vào doanh thu của Công ty. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với pháp nhân và đối với ông Nguyễn Quang Đ, ông Hoàng Hữu T.

[16] Chị Nông Thị Thu T và chị Tô Thị L được Triệu Thị L giao thực hiện rút tiền mặt và nộp tiền vào tài khoản của Nông Văn T. Kết quả điều tra xác định chị Nông Thị Thu T và chị Tô Thị L không tham gia vào hoạt động mua bán, xuất khẩu hàng hóa, không biết Triệu Thị L có hành vi trốn thuế, nên không có cơ sở xác định những người này đồng phạm với bị cáo Triệu Thị L.

[17] Đối với Nông Văn T, Phạm Kim T, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T: Là người được các chủ hàng bên Trung Quốc thuê trả tiền công theo tháng hoặc theo từng chuyến hàng để thực hiện việc liên hệ với Hà Thị H mua nhôm thổi, thỏa thuận giá, kiểm tra chất lượng, khối lượng, gọi xe vận chuyển hàng để làm thủ tục xuất khẩu sang Trung Quốc. Nông Văn T còn được chủ hàng có tên là A Hoàng chuyển khoản nhờ thanh toán tiền hàng cho Hà Thị H; cũng có lúc A Hoàng nhờ Nông Văn T vay tiền của Nguyễn Hữu H để thanh toán cho Hà Thị H. Các anh Nông Văn T, Phạm Kim T, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu H không biết và cũng không tham gia vào việc xuất khẩu nhôm thổi sang Trung Quốc. Vì vậy, không có căn cứ để xác định anh Nông Văn T, Phạm Kim T, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu H liên quan đến vụ án.

[18] Đối với 31 hộ dân tại thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đều khai nhận có thực hiện việc thu mua vỏ lon, phế liệu về tái chế thành nhôm thổi rồi bán lại cho Hà Thị H nhưng không xuất hóa đơn vì không có đăng ký kinh doanh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã có công văn gửi Chi cục Thuế khu vực T - Y, tỉnh Bắc Ninh thông báo về hoạt động mua bán nhôm thổi của các hộ dân trên để nắm tình hình và xác minh, xử lý theo quy định.

[19] Đối với 14 cá nhân ở các tỉnh phía Nam, theo lời khai của Hà Thị H là những người đã bán nhôm thổi cho Hà Thị H: Cơ quan điều tra đã gửi công văn cho các Ngân hàng để cung cấp số tài khoản, thông tin chủ tài khoản có giao dịch với các tài khoản ngân hàng của Hà Thị H nhưng chưa có kết quả đầy đủ. Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục gửi công văn đôn đốc ngân hàng liên quan cung cấp thông tin để có căn cứ ủy thác điều tra, xem xét, xử lý theo quy định.

[20] Đối với các chủ hàng người Trung Quốc. Do những người này đều có Quốc tịch Trung Quốc, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để thực hiện tương trợ tư pháp.

[21] Đối với Nguyễn Văn T, là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh trong đó có dịch vụ xuất khẩu nhôm thổi của Công ty Thương mại và Dịch vụ L, Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại L. Do hiện tại, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định hành vi trốn thuế của Nguyễn Văn T nên chưa có căn cứ xem xét trách nhiệm của Nguyễn Văn T. Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm việc với cơ quan Thuế và Hải quan để xác minh, thu thập tài liệu làm căn cứ

xử lý theo quy định.

[22] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với nhận của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[23] Về án phí: Do các bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước.

[24] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Triệu Thị L;

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối bị cáo Hà Thị H;

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Thị L và bị cáo Hà Thị H phạm tội Trốn thuế.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Xử phạt bị cáo Triệu Thị L 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); sung Ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Hà Thị H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 (năm), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17-7-2024.

Giao bị cáo Hà Thị H cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2.3 Về hình phạt bổ sung:

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Triệu Thị L.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Hà Thị H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Không có.

4. Về biện pháp tư pháp:

4.1. Truy thu đối với bị cáo Triệu Thị L số tiền 235.374.919 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm mười chín đồng); sung ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền 263.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu đồng), mà bị cáo Triệu Thị L đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, theo Biên lai thu tiền số 0006168 ngày 05-02-2024; hoàn trả bị cáo Triệu Thị L số tiền 27.625.081 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn không trăm tám mươi một đồng).

4.2. Truy thu đối với bị cáo Hà Thị H số tiền 8.328.545.847 đồng (tám tỷ ba trăm hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng), sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Hà Thị H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng), theo Biên lai thu tiền số 0006155 ngày 23-01-2024; bị cáo Hà Thị H còn phải nộp tiếp số tiền 3.328.545.847 đồng (ba tỷ ba trăm hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng).

5. Về án phí: Các bị cáo Triệu Thị L, Hà Thị H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PC03 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, THS, HCTP, PKTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy